

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH TÂY NINH**

Số: /CTTNI-TTHT  
V/v chính sách thuế GTGT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH SX-TM Cẩm Vân

Mã số thuế: 3900316354

Địa chỉ nhận thông báo: Ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Cục Thuế tỉnh Tây Ninh nhận được Công văn số 01/24CV ngày 09/5/2024 của Công ty TNHH SX – TM Cẩm Vân về việc điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu. Vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng.

- Tại khoản 2 Điều 9 quy định:

*“Điều 9. Thuế suất 0%*

*...*

*2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:*

*a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:*

*- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu;*

*- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;*

*- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.*

*Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế, vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh.*

*...*

*b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:*

*- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;*

*- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;*

*...”*

- Tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 quy định về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu:

***“Điều 16. Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu***

*Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (trừ các trường hợp hướng dẫn Điều 17 Thông tư này) để được khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT đầu vào phải có đủ điều kiện và các thủ tục nêu tại khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 15 Thông tư này, cụ thể như sau:*

*1. Hợp đồng bán hàng hóa, gia công hàng hóa (đối với trường hợp gia công hàng hóa), cung ứng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu là hợp đồng ủy thác xuất khẩu và biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác xuất khẩu (trường hợp đã kết thúc hợp đồng) hoặc biên bản đối chiếu công nợ định kỳ giữa bên ủy thác xuất khẩu và bên nhận ủy thác xuất khẩu có ghi rõ: số lượng, chủng loại sản phẩm, giá trị hàng ủy thác đã xuất khẩu; số, ngày hợp đồng xuất khẩu của bên nhận ủy thác xuất khẩu ký với nước ngoài; số, ngày, số tiền ghi trên chứng từ thanh toán qua ngân hàng với nước ngoài của bên nhận ủy thác xuất khẩu; số, ngày, số tiền ghi trên chứng từ thanh toán của bên nhận ủy thác xuất khẩu thanh toán cho bên ủy thác xuất khẩu; số, ngày tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu của bên nhận ủy thác xuất khẩu.*

*2. Tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.*

...

*3. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng*

*a) Thanh toán qua ngân hàng là việc chuyển tiền từ tài khoản của bên nhập khẩu sang tài khoản mang tên bên xuất khẩu mở tại ngân hàng theo các hình thức thanh toán phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của ngân hàng. Chứng từ thanh toán tiền là giấy báo Có của ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền đã nhận được từ tài khoản của ngân hàng bên nhập khẩu. Trường hợp thanh toán chậm trả, phải có thỏa thuận ghi trong hợp đồng xuất khẩu, đến thời hạn thanh toán cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Trường hợp ủy thác xuất khẩu thì phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng của phía nước ngoài cho bên nhận ủy thác và bên nhận ủy thác phải thanh toán tiền hàng xuất khẩu qua ngân hàng cho bên ủy thác. Trường hợp bên nước ngoài thanh toán trực tiếp cho bên ủy thác xuất khẩu thì bên ủy thác phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng và việc thanh toán như trên phải được quy định trong hợp đồng.*

...”

Căn cứ khoản 11 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC, ngày 27 tháng 02 năm 2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, quy định:

***“11. Sửa đổi, bổ sung điểm b.7 Khoản 3 Điều 16 như sau:***

*“b.7) Trường hợp phía nước ngoài (trừ trường hợp phía nước ngoài là cá nhân) thanh toán từ tài khoản tiền gửi vãng lai của phía nước ngoài mở tại các tổ chức tín dụng tại Việt Nam thì việc thanh toán này phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng- nếu có). Chứng từ thanh toán là giấy báo Có của ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền đã nhận được từ tài khoản vãng lai của người mua phía nước ngoài đã ký hợp đồng.*

*Trường hợp xuất khẩu cho người mua phía nước ngoài là doanh nghiệp tư nhân và việc thanh toán thông qua tài khoản vãng lai của chủ doanh nghiệp tư nhân mở tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam và được quy định trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng-nếu có) thì được xác định là thanh toán qua ngân hàng.*

*... ”*

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định về hóa đơn, chứng từ, quy định:

**“Điều 8. Loại hóa đơn**

*Hóa đơn quy định tại Nghị định này gồm các loại sau:*

*1. Hóa đơn giá trị gia tăng là hóa đơn dành cho các tổ chức khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ sử dụng cho các hoạt động:*

*...*

*d) Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.”*

Căn cứ các quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0%; điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nêu trên. Đề nghị Công ty TNHH SX-TM Cẩm Vân căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh giao dịch bán hàng xuất khẩu, ủy thác xuất khẩu để thực hiện.

Cục Thuế tỉnh Tây Ninh thông báo đến Công ty TNHH SX-TM Cẩm Vân biết để thực hiện đúng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật./.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Thuế (báo cáo);
- Như trên;
- BLD Cục Thuế;
- Phòng TTKT số 2;
- Phòng NV-DT-PC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (1b).

**Nguyễn Thị Sang**